HỘI ĐỒNG HÂN DÂN **HUYỆN TU MƠ RÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13 /NQ-HĐND	*Tu Mơ Rông, ngày 14 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công và Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc các CTMTQG giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Kon Tum về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định về phân cấp ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018 của HĐND tỉnh Kon Tum về việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19/07/2018 của HĐND Tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện ác Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh

Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1175/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ Chương trình 30a thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018 (bổ sung) và giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019, 2020 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông;

Căn cứ Quyết định số 1198/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2019, 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện Tu Mơ Rông về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND, ngày 15 tháng 11 năm 2018 của UBND huyện Tu Mơ Rông về việc phê duyệt phân bổ Kế hoạch đầu tư công và Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 huyện Tu Mơ Rông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch vốn đầu tư công và Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 huyện Tu Mơ Rông, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu

Tập trung đầu tư nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình dự án trọng điểm, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện, ưu tiên đầu tư các xã đặc biệt khó khăn, đầu tư xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

2. Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công và Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 huyện Tu Mơ Rông:

* Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công và Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện năm 2019: 121.285 triệu đồng. Trong đó:

+ Tổng Kế hoạch vốn đầu tư phát triển phân cấp ngân sách huyện năm 2019: 17.109 triệu đồng.

+ Tổng Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện năm 2019: 104.176 triệu đồng *(Vốn đầu tư: 84.107 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 20.069 triệu đồng)*. Trong đó:

- Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2019: 34.691 triệu đồng *(Vốn đầu tư: 28.390 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 6.301 triệu đồng)*.

- Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 năm 2019: 15.566 triệu đồng *(Vốn đầu tư: 11.693 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 3.873 triệu đồng)*.

- Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 30a năm 2019: 53.792 triệu đồng *(Vốn đầu tư: 44.024 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 9.768 triệu đồng)*.

- Kế hoạch vốn Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 64 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn Dự án Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình: 63 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu kèm theo)

3. Về nguồn vốn đầu tư công thuộc ngân sách huyện:

3.1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công

Việc bố trí vốn đầu tư công cho các dự án phải bảo đảm đúng theo các nguyên tắc chung dưới đây:

Việc tổ chức triển khai thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, gồm: Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015, Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 và Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017; Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, gồm: Nghị quyết 69/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016, Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 7

(1) Phân bổ chi tiết cho các dự án theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết số 69/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 và Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được cấp có thẩm quyền giao.

(2) Kế hoạch đầu tư năm 2019 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư từ ngân sách nhà nước theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư, trong đó tập trung và ưu tiên bố trí vốn cho các công trình, dự án trọng điểm, cấp bách; đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; các Chương trình mục tiêu quốc gia (*Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*); cấp nước sinh hoạt và sửa chữa nhà vệ sinh các trường học.

(3) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật.

(4) Việc phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2019 cho các dự án phải thực hiện các nguyên tắc:

- Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 cho từng dự án phải phù hợp và không được vượt quá số vốn còn lại của kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 đã được cấp có thẩm quyền giao trừ đi số vốn đã được giao trong kế hoạch các năm 2016, 2017 và 2018.

- Phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2019.

- Không bố trí vốn kế hoạch nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, không được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

(5) Đối với các dự án đầu tư khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư cơ sở hạ tầng: Căn cứ vào danh mục dự án đã được cấp có thẩm quyền thống nhất và tiến độ nguồn thu thực tế, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ vốn cho các dự án để tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

3.2. Thứ tự ưu tiên trong công tác phân bổ vốn đầu tư công năm 2019

(1) Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi các khoản ứng trước theo quy định; Không bố trí vốn đầu tư công để thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 31/12/2014.

(2) Bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018;

(3) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành đúng tiến độ theo quy định;

(4) Sau khi bố trí đủ vốn theo thứ tự ưu tiên nêu trên, trường hợp còn vốn mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định hướng dẫn của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

4. Đối với các nguồn vốn thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia

4.1. Đối với kế hoạch vốn đầu tư phát triển

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững:

(1) Ưu tiên bố trí cho các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định, Ủy ban nhân dân huyện chủ động lựa chọn danh mục dự án đảm bảo thủ tục đầu tư để tập trung bố trí thực hiện hoàn thành dự án trên cơ sở tổng mức vốn được giao của từng đơn vị, trong đó quan tâm đầu tư các dự án theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn.

(2) Trên cơ sở mức vốn Chương trình 135 được tỉnh giao và hướng dẫn của Ban Dân tộc, UBND huyện căn cứ đối tượng thụ hưởng quy định tại Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, phân bổ chi tiết cho các dự án trên địa bàn các xã ĐBKK, xã an toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn để triển khai thực hiện cho phù hợp; lựa chọn danh mục dự án đảm bảo thủ tục đầu tư để tập trung bố trí thực hiện hoàn thành dự án trên cơ sở tổng mức vốn được giao của từng đơn vị, tránh gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

(1) Tập trung bố trí vốn để xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới; chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cấp có thẩm quyền về việc đề xuất khởi công mới các dự án giai đoạn 2016-2020 trong khi chưa xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.

(2) Đối với dự án khởi công mới, ưu tiên bố trí vốn thực hiện các dự án theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, phải lựa chọn những dự án thật sự cấp thiết thuộc nội dung đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư năm 2019 theo ý kiến thẩm định của cấp có thẩm quyền về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để hoàn thành trong năm 2019.

(3) Căn cứ vào mục tiêu phấn đấu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 và điều kiện thực tế, phân bổ cho các xã đảm bảo tổng mức vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các xã trong cả giai đoạn 2016-2020 theo đúng các nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ được quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

(4) Mức vốn bố trí cho từng dự án:

- Đối với các dự án hoàn thành đã bàn giao đi vào sử dụng, các dự án đã quyết toán: Bố trí đủ kế hoạch vốn cho từng dự án theo số đã quyết toán hoặc khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu, nhưng không vượt quá tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

- Không áp dụng quy định tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư dự án đối với các dự án chỉ lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Triển khai thực hiện mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong đầu tư xây

dựng đối với dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn theo đúng quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4.2. Đối với kế hoạch vốn sự nghiệp

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững:

(1) Đối với Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Căn cứ mức vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân huyện chủ động xây dựng kế hoạch thực hiệnư, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(2) Đối với Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Triển khai thực hiện các nội dung tại Văn bản số 3660/BTTTT-KHTC ngày 30/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

(1) Đối với nội dung tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở: Triển khai thực hiện các nội dung tại Văn bản số 3660/BTTTT-KHTC ngày 30/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

(2) Đối với các hoạt động khác: Tùy vào tình hình thực tế, UBND huyện chủ động lựa chọn, bố trí để thực hiện các nhiệm vụ như: Hỗ trợ phát triển giáo dục nông thôn; phát triển ngành nghề nông thôn; xử lý, cải thiện môi trường nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã; nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng trên địa bàn xã; các nội dung, nhiệm vụ khác của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở cấp xã, do xã thực hiện;... cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ theo các quy định hiện hành.

5. Hội đồng nhân dân huyện ủy quyền Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định một số vấn đề và báo cáo lại Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất, cụ thể như sau:

- Quyết định phân bổ chi tiết các nguồn vốn phát sinh *(ngoài các nguồn vốn tại Điều 1 Nghị Quyết này)* và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.
- Quyết định các danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án do cấp huyện quản lý nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết.
- Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 đối với các nội dung quy định tại khoản 6, Điều 75 của Luật Đầu tư công năm 2014.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện ủy quyền Thường trực Hội đồng nhân dân huyện thực hiện các nội dung (theo Luật Đầu tư công và các quy định của

cấp có thẩm quyền) và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất:

- Xem xét cho chủ trương phân bổ chi tiết các nguồn vốn phát sinh, được phân cấp trong năm theo thẩm quyền quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện và theo dõi, đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương. Phối hợp với các sở, cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án trên địa bàn huyện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại huyện;
- Sở Tư pháp;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- TT UBMTTQVN Huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các cơ quan ban ngành có liên quan;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- TT HĐND-UBND các xã;
- Lưu: VT-TH.

CHỦ TỊCH

A Dân

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TU MƠ RÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	NSTW	Trđó:NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP (NS huyện)		
												Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*		Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
1	2	3	4	5	6	6	7	8	9	10	11	12	*13*	*18*	*19*	*20*	21
	TỔNG SỐ							**65.244**	**64.920**	**0**	**49.198**	**49.198**	**0**	**17.109**	**17.109**	**0**	
I	**Vốn đầu tư cân đối NSĐP theo tiêu chí**							**55.249**	**54.925**	**0**	**40.433**	**40.433**	**0**	**14.711**	**14.711**	**0**	
1	***Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND***							***38.051***	***38.051***	***0***	***22.905***	***22.905***	***0***	***7.590***	***7.590***	***0***	
a	***Thực hiện dự án***							***38.051***	***38.051***	***0***	***22.905***	***22.905***	***0***	***7.590***	***7.590***	***0***	
1	Chi phí bồi thường và tái định cư							795	795		795	795		795	795		
2	Nợ phải trả sau quyết toán dự án hoàn thành (nợ nhà thầu, chi phí kiểm toán, thẩm tra quyết toán)							2.213	2.213		2.134	2.134		2.134	2.134		
3	Cầu tràn qua phòng Nông nghiệp (tràn liên hợp qua suối Đăk Ter)		292	BQL DA ĐTXD huyện				10.645	10.645		2.341	2.341		1.687,32	1.687,32		Thu hồi ứng
4	Trường Mầm non xã Đăk Na, huyện Tu Mơ Rông	7674349	071	BQL DA ĐTXD huyện			829-13/10/2015	778	778		700	700		70	70		
5	Thủy lợi Đăk Sao, huyện Tu Mơ Rông	7572689	283	BQL DA ĐTXD huyện			1109/31-10-2015	20.000	20.000		15.300	15.300		1.627,68	1.627,68		
6	Khuôn viên cây xanh trung tâm huyện		312	Phòng KT và HT				3.620	3.620		1.635	1.635		1.276	1.276		
2	***Phân cấp đầu tư các công trình giáo dục (lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)***							***7.750***	***7.750***		***7.750***	***7.750***					
3	***Phân cấp hỗ trợ, bổ sung khác***				Toàn huyện	***2016***					***1.050***	***1.050***					
4	***Nguồn phân cấp hỗ trợ, bổ sung khác***							***2.968***	***2.968***	***0***	***2.838***	***2.838***	***0***	***6.641***	***6.641***	***0***	
	Dự án nhóm C							***2.968***	***2.968***	***0***	***2.838***	***2.838***	***0***	***6.641***	***6.641***		
a	***Thực hiện dự án***													5.067,0	5.067,0		
1	Thủy lợi Đăk Sao, huyện Tu Mơ Rông	7572689	283	BQL DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Sao		1109/31-10-2015										
2	Nhà rông văn hóa huyện Tu Mơ Rông	7720193	161	Phòng KT và HT	TT huyện Tu Mơ Rông			2.338,0	2.338,0		2.338,0	2.338,0		1.074,0	1.074,0		
3	Chợ trung tâm huyện hạng mục: Đường nội bộ và cổng, tường rào		338	BQL ĐTXDCB huyện	TT huyện Tu Mơ Rông			630,0	630,0		500,0	500,0		500,0	500,0		
5	***Hỗ trợ cho người có công cách mạng về nhà ở***				Toàn huyện			6.480	6.156		5.890	5.890		480	480		
II	***Nguồn thu sử dụng đất***							***3.889***	***3.889***	***0***	***3.500***	***3.500***	***0***	***188***	***188***		

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
							Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	NSTW	Trđó:NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP (NS huyện)		
												Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*		Tổng số	*Trong đó: Thanh toán nợ XDCB*	
	Dự án nhóm C							***3.889***	***3.889***	***0***	***3.500***	***3.500***	***0***	***188***	***188***		
	Thực hiện dự án							***3.889***	***3.889***	***0***	***3.500***	***3.500***	***0***	***188***	***188***	***0***	
	Các dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020																
1	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai				Toàn huyện			3.889	3.889		3.500	3.500		188	188		
III	***Nguồn xổ số kiến thiết***							***6.106***	***6.106***	***0***	***5.265***	***5.265***	***0***	***2.210***	***2.210***	***0***	
b	***Dự án chuẩn bị đầu tư***							***6.106***	***6.106***	***0***	***5.265***	***5.265***	***0***	***2.210***	***2.210***		
1	Trường tiểu học xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông	7655953	072	BQL ĐTXDCB huyện	Xã Đăk Hà		*829-13/10/2015*	2.111	2.111		1.900	1.900		1.515	1.515		
2	Trường PTDT bán trú Tiểu học xã Ngọc Lây huyện Tu Mơ rông	7567608	072	BQL ĐTXDCB huyện	xã Ngọc Lây		*829-13/10/2015*	1.439	1.439		1.295	1.295		30	30		
3	Trường Mầm non xã Đăk Sao, huyện Tu Mơ Rông	7655952	071	BQL ĐTXDCB huyện	Xã Đăk Sao		*30-19/01/2017*	2.556	2.556		2.070	2.070		665	665		

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP BỐ TRÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND, ngày 11 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Tu Mơ Rông)

Đvt: Triệu đồng

TT	Địa bàn	Kế hoạch vốn năm 2019							Ghi chú
		Tổng số	*Trong đó:*						
			Duy tu bảo dưỡng CSHT	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Hỗ trợ lao động nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Nâng cao năng lực; giám sát, đánh giá	Hoạt động chuyên môn khác	Thực hiện các nội dung có tính chất đặc thù	
	TỔNG SỐ	**13.768**	**3.623**	**10.018**	**0**	**0**	**127**	**0**	
I	**Dự án 1: Chương trình 30a**	**9.768**	**2.774**	**6.994**	**0**	**0**	**0**	**0**	
-	Huyện Tu Mơ Rông	9.768	2.774	6.994					
II	**Dự án 2: Chương trình 135**	**3.873**	**849**	**3.024**	**0**	**0**	**0**	**0**	
-	Xã Đăk Tờ Kan	352	77	275					
-	Xã Đăk Hà	352	77	275					
-	Xã Tu Mơ Rông	352	77	275					
-	Xã Ngọc Yêu	352	77	275					
-	Xã Ngọc Lây	352	77	275					
-	Xã Đăk Na	352	77	275					
-	Xã Văn Xuôi	352	77	275					
-	Xã Đăk Sao	352	77	275					
-	Xã Măng Ri	352	77	275					
-	Xã Tê Xăng	353	78	275					
-	Xã Đăk Rơ Ông	352	78	274					

TT	Địa bàn	Kế hoạch vốn năm 2019							Ghi chú
		Tổng số	*Trong đó:*						
			Duy tu bảo dưỡng CSHT	Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Hỗ trợ lao động nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Nâng cao năng lực; giám sát, đánh giá	Hoạt động chuyên môn khác	Thực hiện các nội dung có tính chất đặc thù	
III	**Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	**64**	**0**	**0**	**0**	**0**	**64**	**0**	
-	Huyện Tu Mơ Rông	64					64		
IV	**Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**	**63**	**0**	**0**	**0**	**0**	**63**	**0**	
-	Huyện Tu Mơ Rông	63					63		

Ghi chú

(*) Phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 năm 2019 theo Công văn số 940/UBDT-VP135 ngày 11/9/2017 của Ủy ban Dân tộc và kế hoạch vốn 2019 được giao.

(*) Đối với các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn: Trên cơ sở mức vốn được tỉnh phân bổ, giao UBND các huyện, thành phố căn cứ đối tượng thụ hưởng quy định tại Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, phân bổ chi tiết cho các xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn đặc biệt khó khăn để triển khai thực hiện cho phù hợp.Triển khai thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 12 - NQ-HĐND, ngày 14 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Tu Mơ Rông)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2019											Ghi chú
		Tổng cộng	*Trong đó*										
			Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Phát triển ngành nghề nông thôn (bao gồm xây dựng, phát triển mỗi xã một sản phẩm)	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Đào tạo nghề cho lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo QĐ số 2261/QĐ-TTg	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể trong xây dựng NTM	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ NTM các cấp; tuyên truyền vận động	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (*)	Kinh phí quản lý	Các hoạt động khác (**)	
	Tổng cộng	**6.301**	**500**	**1.000**	**810**	**0**	**0**	**0**	**110**	**900**	**215**	**2.766**	
	Huyện Tu Mơ Rông	6.301	500	1.000	810				110	900	215	2.766	

Ghi chú:

(*) Triển khai thực hiện sau khi có hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

(**) Hỗ trợ phát triển giáo dục nông thôn; phát triển ngành nghề nông thôn; xử lý, cải thiện môi trường nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã; nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng trên địa bàn xã; các nội dung, nhiệm vụ khác của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở cấp xã, do xã thực hiện;...

Biểu số 03

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND, ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí hết kế hoạch năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019				Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
						Tổng số	NSNN		Nguồn huy động		Tổng số	NSNN		Nguồn huy động	
							NSTW	NSĐP				NSTW	NSĐP		
	TỔNG CỘNG					**37.917**	**34.472**	**-**	**3.445**	**389**	**31.204**	**28.390**	**-**	**2.814**	
I	**Dự án chuyển tiếp năm 2018**					**682**	**621**	**-**	**61**	**389**	**255**	**232**	**-**	**23**	
1	Trường mầm non thôn Đăk Linh (chuyển tiếp)			2018-		341	311		30	200	122	111		11	
2	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Văn 3 (chuyển tiếp)			2018-		341	310		31	189	133	121		12	
II	**Dự án khởi công mới năm 2019**					**37.235**	**33.851**	**-**	**3.384**	**-**	**30.949**	**28.158**	**-**	**2.791**	
	Xã ĐăK Rơ Ông					**5.664**	**5.149**	**-**	**515**		**3.871**	**3.526**	**-**	**345**	
1	Đường đi KSX thôn Kon Hia 1 nhánh 4	UBND xã Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Rơ Ông	2019-		880	800		80		880	800		80	
2	Đường đi KSX thôn Kon Hia 1 nhánh 5			2019-		880	800		80		880	800		80	
3	Đường đi KSX thôn Kon Hia 2 nhánh 2			2019-		1.213	1.103		110		556	506		50	
4	Đường đi KSX thôn Kon Hia 2 nhánh 3			2019-		1.206	1.096		110		620	570		50	
5	Đường nội thôn Ngọc Năng 1			2019-		385	350		35		385	350		35	
6	Đường trục chính nội đồng thôn La Giông nhánh 1			2019-		1.100	1.000		100		550	500		50	
	Xã Măng Ry					**4.235**	**3.850**	**-**	**385**		**3.570**	**3.260**	**-**	**310**	
1	Đường đi khu sản xuất Van Xi Pây (thôn Ngọc La)	UBND xã Măng Ry	Xã Măng Ry	2019-		1.595	1.450		145		930	860		70	
2	Đường đi khu sản xuất Pu Tá			2019-		1.540	1.400		140		1.540	1.400		140	
3	Đường đi khu sản xuất (hai bên thác)			2019-		1.100	1.000		100		1.100	1.000		100	
	Xã Ngọc Yêu					**3.003**	**2.730**	**-**	**273**		**3.003**	**2.730**	**-**	**273**	
1	Đường đi khu sản xuất Mo Vong thôn Long Láy 3, xã Ngọc Yêu	UBND Xã Ngọc Yêu	Xã Ngọc Yêu	2019-		660	600		60		660	600		60	
2	Đường đi KSX thôn Tam Rin			2019-		693	630		63		693	630		63	
3	Đường đi KSX Chang Hai thôn Long Láy 1			2019-		770	700		70		770	700		70	
4	Đường đi khu sản xuất Ba Tu 3 (nhánh 1), xã Ngọc Yêu			2019-		880	800		80		880	800		80	
	Xã Tê Xăng					**2.682**	**2.438**	**-**	**244**		**2.682**	**2.438**	**-**	**244**	
1	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Viên (đoạn nối tiếp)	UBND Xã Tê xăng	Xã Tê xăng	2019-		922	838		84		922	838		84	
2	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Pu Mâm			2019-		880	800		80		880	800		80	
3	Đường đi khu sản xuất Tê Ưu thôn Đăk Sông			2019-		880	800		80		880	800		80	
	Xã Ngọc Lây					**3.564**	**3.240**	**-**	**324**		**2.574**	**2.340**	**-**	**234**	
1	Đường trục chính nội đồng thôn Mô Za (đoạn nối tiếp đường Bê tông đầu cầu treo - đi khu sản xuất) giai đoạn 1	UBND Xã Ngọc Lây	Xã Ngọc Lây	2019-		1.870	1.700		170		880	800		80	
2	Đường trục chính nội đồng thôn Măng Rương I, II (đoạn nối tiếp đường Bê tông - đi khu sản xuất)			2019-		550	500		50		550	500		50	
3	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Gia Bao, thôn Đăk Kinh I			2019-		550	500		50		550	500		50	
4	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Nước Mu, thôn Đăk Prế			2019-		594	540		54		594	540		54	
	Xã Đăk Hà					**4.433**	**4.030**	**-**	**403**		**2.563**	**2.330**	**-**	**233**	
1	Đường trục chính nội đồng Đăk Piơng thôn Đăk Hà	UBND xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà	2019-		3.960	3.600		360		2.090	1.900		190	
2	Giếng đào thôn Mô Pả			2019-		473	430		43		473	430		43	
	Xã Văn Xuôi					**2.420**	**2.200**	**-**	**220**		**2.420**	**2.200**	**-**	**220**	
1	Đường đi KSX Đăk Nghên thôn Long Tro	UBND Xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi	2019-		1.320	1.200		120		1.320	1.200		120	
2	Đường đi KSX thôn Đăk Văn 1 (nhánh 1)			2019-		1.100	1.000		100		1.100	1.000		100	
	Xã Đăk Sao					**3.080**	**2.800**	**-**	**280**		**3.080**	**2.800**	**-**	**280**	
1	Đường đi KSX thôn Kon Cung (đoạn từ nhà A Khoa)	UBND Xã Đăk Sao	Xã Đăk Sao	2019-		770	700		70		770	700		70	
2	Đường trục thôn Kạch nhỏ			2019-		770	700		70		770	700		70	
3	Đường đi KSX Năng Nhỏ 2			2019-		770	700		70		770	700		70	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí hết kế hoạch năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019				Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								
						Tổng số	NSNN		Nguồn huy động		Tổng số	NSNN		Nguồn huy động	
							NSTW	NSĐP				NSTW	NSĐP		
4	Đường nội thôn Năng Nhỏ 1 (đoạn 2)			2019-		770	700		70		770	700		70	
	Xã Tu Mơ Rông					**2.453**	**2.230**	-	**223**		**2.453**	**2.230**	-	**223**	
1	Đường trục chính nội đồng thôn Tu Cấp	UBND Xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông	2019-		440	400		40		440	400		40	
2	Làm mới nhà rông thôn Đăk Ka			2019-		110	100		10		110	100		10	
3	Làm mới nhà rông thôn Đăk Neang			2019-		110	100		10		110	100		10	
4	Đường nội thôn Đăk Neang			2019-		440	400		40		440	400		40	
5	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Chum II			2019-		748	680		68		748	680		68	
6	Đường nội thôn Tu Mơ Rông			2019-		605	550		55		605	550		55	
	Xã Đăk Tờ Kan					**2.236**	**2.034**	-	**202**		**2.236**	**2.034**	-	**202**	
1	Đường nội thôn Kon Hnong 2 (Đoạn nối tiếp)	UBND Xã Đăk Tờ Kan	Xã Đăk Tờ Kan	2019-		330	300		30		330	300		30	
2	Đường nội thôn Kon Hnong 5			2019-		528	480		48		528	480		48	
3	Đường thôn Đăk Prông đi khu sản xuất (đoạn nối tiếp)			2019-		608	554		54		608	554		54	
4	Đường Đăk Prông 2 đi khu sản xuất			2019-		770	700		70		770	700		70	
	Xã Đăk Na					**3.465**	**3.150**	-	**315**		**2.497**	**2.270**	-	**227**	
1	Đường trục thôn Lê Văng (đoạn nối tiếp)	UBND Xã Đăk Na	Xã Đăk Na	2019-		770	700		70		770	700		70	
2	Đường nội thôn Đăk Riếp 2 (đoạn từ nhà ông A Chuân đến nhà Ông A Ngúp)			2019-		1.903	1.730		173		935	850		85	
3	Đường nội thôn Mô Bành 2 (đoạn nối tiếp)			2019-		792	720		72		792	720		72	

Biểu số 02

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND, ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Lũy kế vốn đã bố trí hết kế hoạch năm 2018		Kế hoạch năm 2019				Ghi chú
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				NSTW		NSTW	NS cấp huyện	Huy động dân và vốn khác	
							NSTW	NS cấp huyện	Huy động dân và vốn khác							
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
	TỔNG SỐ					**99.497**	**85.908**	**832**	**3.646**	**17.501**	**17.501**	**58.090**	**55.717**	**-**	**2.373**	
A	**CHƯƠNG TRÌNH 30A**					**82.518**	**70.456**	**552**	**2.399**	**17.501**	**17.501**	**45.463**	**44.024**	**-**	**1.439**	
I	**Chi ngân sách tỉnh**					**60.087**	**50.126**	**100**	**750**	**17.501**	**17.501**	**26.104**	**26.104**	**-**	**-**	**-**
1	**Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2019**					**49.000**	**40.000**	**-**	**-**	**17.501**	**17.501**	**21.104**	**21.104**	**-**	**-**	
-	Nước sinh hoạt trung tâm huyện Tu Mơ Rông	Ban QLDA-ĐTXD huyện	huyện Tu Mơ Rông	2018-		49.000	40.000	-	-	17.501	17.501	21.104	21.104			
2	**Dự án khởi công mới năm 2019**					**11.087**	**10.126**	**100**	**750**	**-**	**-**	**5.000**	**5.000**	**-**	**-**	
-	Đường giao thông liên thôn Đăk Văn 2 - Đăk Văn 3 - Đăk Linh xã Văn Xuôi	Ban QLDA-ĐTXD huyện	Huyện Tu Mơ Rông	2019-		11.087	10.126	100	750			5.000	5.000			
II	**Chi ngân sách huyện**					**22.431**	**20.330**	**452**	**1.649**	**-**	**-**	**19.359**	**17.920**	**-**	**1.439**	**-**
1	**Dự án khởi công mới năm 2019**					**22.431**	**20.330**	**452**	**1.649**	**-**	**-**	**19.359**	**17.920**	**-**	**1.439**	**-**
-	Đường lên thao trường huyện Tu Mơ Rông	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Xã Đăk Hà	2019-		2.110	1.900	50	160			2.060	1.900		160	
-	Đường giao thông QL 40B đi thôn Đăk Ka, Văng xăng xã Tu Mơ Rông	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Tu Mơ Rông	2019-		4.900	4.410	150	340			2.170	2.000		170	
-	Thủy lợi Đăk Plum, xã Ngọc Yêu	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Ngọc Yêu	2019-		2.222	2.022	50	150			2.172	2.022		150	
-	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Tun, xã Đăk Hà	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Đăk Hà	2019-		2.132	1.922	50	160			2.082	1.922		160	
-	Đường trục chính nội đồng thôn Ngọc Năng 2	UBND xã Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Rơ Ông	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường đi khu SX Kon Hia 1 nhánh 6	UBND xã Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Rơ Ông	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường đi khu sản xuất Tăp Pi Dăng	UBND xã Măng Ri	Xã Măng Ri	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường đi khu sản xuất Thôn Đăk Zơn	UBND xã Măng Ri	Xã Măng Ri	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Nâng cấp sửa chữa đường liên thôn Ngọc Đo - Long Láy 1 (đoạn nối tiếp), xã Ngọc Yêu	UBND xã Ngọc Yêu	Xã Ngọc Yêu	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường đi khu SX thôn Long Láy 1	UBND xã Ngọc Yêu	Xã Ngọc Yêu	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Sông	UBND xã Tê Xăng	Xã Tê Xăng	2019-		1.006	916	10	80			996	916		80	
-	Đường đi khu SX suối Đăk Linh thôn Đăk Văn 2	UBND xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi	2019-		330	300	10	20			320	300		20	
-	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk văn 3 đoạn nối tiếp	UBND xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi	2019-		173	158	5	10			168	158		10	
-	Đường đi khu sản xuất thôn Ba Khen (đoạn nối tiếp)	UBND xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi	2019-		220	200	5	15			215	200		15	
-	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk văn 1	UBND xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi	2019-		283	258	5	20			278	258		20	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Lũy kế vốn đã bố trí hết kế hoạch năm 2018		Kế hoạch năm 2019				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				NSTW		NSTW	NS cấp huyện	Huy động dân và vốn khác	
							NSTW	NS cấp huyện	Huy động dân và vốn khác							
-	Trường mầm non cụm thôn Mô Za (khu đi dời thôn Mô Za)	UBND xã Ngọc Lây	Xã Ngọc Lây	2019-		251	229	5	17			246	229		17	
-	Đường trục chính nội đồng thôn Mô Za (đoạn nối tiếp từ đường bê tông đi KSX Mô Za)	UBND xã Ngọc Lây	Xã Ngọc Lây	2019-		251	229	5	17			246	229		17	
-	Đào giếng nước sinh hoạt thôn Mô Za (khu giãn dân)	UBND xã Ngọc Lây	Xã Ngọc Lây	2019-		420	380	5	35			415	380		35	
-	Sửa chữa trường mầm non thôn Mô Za	UBND xã Ngọc Lây	Xã Ngọc Lây	2019-		85	78	2	5			83	78		5	
-	Đường nội thôn Đăk Giá	UBND xã Đăk Sao	Xã Đăk Sao	2019-		330	300	10	20			320	300		20	
-	Đường đi khu SX thôn Năng nhỏ 1	UBND xã Đăk Sao	Xã Đăk Sao	2019-		173	158	5	10			168	158		10	
-	Đường nội thôn Năng nhỏ 1 (nối tiếp đoạn nhà A Li)	UBND xã Đăk Sao	Xã Đăk Sao	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường đi khu sản suất Po Lê Ton thôn Đăk Pờ Trang	UBND xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà	2019-		1.006	916	10	80			956	916		40	
-	Đường nội thôn Tu Cấp	UBND xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường đi khu SX thôn Đăk Ka đoạn nối tiếp	UBND xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường nội thôn Kon Hnong 3 (đoạn nối tiếp)	UBND xã Đăk Tờ Kan	Xã Đăk Tờ Kan	2019-		330	300	10	20			320	300		20	
-	Đường nội thôn Tê Xô Ngoài 2 (đoạn nối tiếp)	UBND xã Đăk Tờ Kan	Xã Đăk Tờ Kan	2019-		173	158	5	10			168	158		10	
-	Đườngđi khu SX Tê Xô Trong 4	UBND xã Đăk Tờ Kan	Xã Đăk Tờ Kan	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường trục thôn Ba Ham (đoạn nối tiếp)	UBND xã Đăk Na	Xã Đăk Na	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
-	Đường trục thôn Lê Văng (đoạn nối tiếp)	UBND xã Đăk Na	Xã Đăk Na	2019-		503	458	5	40			498	458		40	
B	**CHƯƠNG TRÌNH 135**					**16.979**	**15.452**	**280**	**1.247**	-	-	**12.627**	**11.693**	-	**934**	
	Dự án khởi công mới năm 2019					**16.979**	**15.452**	**280**	**1.247**	-	-	**12.627**	**11.693**	-	**934**	
-	Đường trục chính nội đồng thôn Tu Cấp	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Tu Mơ Rông	2019-		630	573	10	47			620	573		47	
-	Đập thủy lợi Te Reng thôn Tu Cấp	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		630	573	10	47			264	244		20	
-	Đập thủy lợi Tê Sai, xã Văn Xuôi	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Văn Xuôi	2019-		630	573	10	47			620	573		47	
-	Đường giao thông thôn Ba Khen, xã Văn Xuôi	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		630	573	10	47			264	244		20	
-	Sửa chữa nước sinh hoạt thôn Măng Rương 2	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Ngọc Lây	2019-		418	380	8	30			410	380		30	
-	Đập đầu mối thủy lợi Gia Pao	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		440	400	10	30			430	400		30	
-	Đập thủy lợi Tea Prea, xã Đăk Hà	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Đăk Hà	2019-		630	573	10	47			620	573		47	
-	KCH kênh mương thủy lợi Tea Prea, xã Đăk Hà	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		630	573	10	47			264	244		20	
-	Nước sinh hoạt Pu Tá, xã Măng Ri	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Măng Ri	2019-		1.263	1.153	30	80			904	854		50	
-	Đường giao thông Tam Rin đi khu sản xuất, xã Ngọc Yêu	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Ngọc Yêu	2019-		630	573	10	47			620	573		47	
-	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi Tam Rin	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		630	573	10	47			264	244		20	
-	Sửa chữa nước tự chảy khu tái định cư xã Tê Xăng	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Tê Xăng	2019-		630	573	10	47			620	573		47	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Lũy kế vốn đã bố trí hết kế hoạch năm 2018		Kế hoạch năm 2019				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				NSTW		NSTW	NS cấp huyện	Huy động dân và vốn khác	
							NSTW	NS cấp huyện	Huy động dân và vốn khác							
-	Đường giao Thông Tu Thó đi khu Sản Xuất xã Tê Xăng	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Tê Xăng	2019-		630	573	10	47			264	244		20	
-	Đường nội thôn Đăk Rê 1, xã Đăk Na	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Đắk Na	2019-		630	573	10	47			620	573		47	
-	Đường nội thôn Đăk Rê 1, 2 xã Đăk Na	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		630	573	10	47			264	244		20	
-	Đường nội thôn Năng Lớn 2, xã Đăk Sao	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Đắk Sao	2019-		630	573	10	47			620	573		47	
-	Đường giao thông thôn Đăk Giá đi khu sản xuất, xã Đăk Sao	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		630	573	10	47			264	244		20	
-	Đường từ thôn Đăk Blò đi khu sản xuất, xã Đăk Rơ Ông	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Đắk Rơ Ông	2019-		630	573	10	47			620	573		47	
-	Đường giao thông thôn Mô Bành đi khu sản xuất, xã Đăk Rơ Ông	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		630	573	10	47			264	244		20	
-	Đường từ thôn Kon Hnông đi khu sản xuất, xã Đăk Tờ Kan	BQL DA đầu tư XD huyện	Xã Đắk Tờ Kan	2019-		638	580	10	48			628	580		48	
-	Đường giao thông thôn Đăk Prông, xã Đăk Tờ Kan	BQL DA đầu tư XD huyện		2019-		630	573	10	47			257	237		20	
-	Đường đi KSX thôn Đắk Plò nhánh 3	UBND xã Đắk Rơ Ông	Xã Đắk Rơ Ông	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM
-	Sửa chữa đường đi thôn Pu Tá	UBND xã Măng Ri	Xã Măng Ri	2019-		540	492	8	40			266	246		20	NTM
-	Đường đi khu sản xuất Ba Tu 3 (nhánh 1), xã Ngọc Yêu	UBND xã Ngọc Yêu	Xã Ngọc Yêu	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM
-	Đường đi KSX thôn Đắk Sông	UBND xã Tê Xăng	Xã Tê Xăng	2019-		540	492	8	40			266	246		20	NTM
-	Đường đi KSX thôn Đắk Văn 2 (đường Tu Long)	UBND xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Gia Bao	UBND xã Ngọc Lây	Xã Ngọc Lây	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM
-	Đường đi KSX thôn Kon cung (đoạn qua cầu treo)	UBND xã Đăk Sao	Xã Đắk Sao	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM
-	Đường đi KSX Ngô Mông (Ty Tu) đoạn nối tiếp	UBND xã Đăk Hà	Xã Đắk Hà	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM
-	Đường đi KSX thôn Đăk Ka	UBND xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM
-	Đường nội thôn Đăk Hnăng 3 (các tuyến nhánh)	UBND xã Đăk Tờ Kan	Xã Đăk Tờ Kan	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM
-	Đường nội thôn Lê Văng (đoạn nối tiếp)	UBND xã Đăk Na	Xã Đăk Na	2019-		270	246	4	20			266	246		20	NTM